

# THẨM QUYỀN ĐIỀU TRA VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

LÊ THỊ KIỀU ANGA\*

Theo quy định của các đạo luật về tư pháp hiện hành, thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã được mở rộng nhiều so với trước đây. Bài viết phân tích, làm rõ về loại tội danh; về đối tượng điều tra; phạm vi và địa bàn điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong giai đoạn hiện nay.

*Từ khóa: Thẩm quyền điều tra; Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao; tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp.*

*Nhận bài: 25/3/2022; biên tập xong: 28/3/2022; duyệt bài: 31/3/2022.*

## 1. Khái quát về thẩm quyền điều tra vụ án hình sự của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Trước diễn biến phức tạp của tình hình vi phạm, tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp; tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp với phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng đa dạng, tinh vi; mức độ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra cho xã hội ngày càng nghiêm trọng hơn; tính nguy hại cho xã hội ngày càng lớn; xuất phát từ yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp, ngày 28/11/2013, tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII đã thông

qua Hiến pháp năm 2013, tại Điều 107 tiếp tục ghi nhận chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND). Công tác điều tra một số loại tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp, là một trong các công tác thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của VKSND.

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về Chiến lược cải cách tư pháp trong tình hình mới, rút kinh nghiệm

\* Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

thực tiễn Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003, Luật tổ chức VKSND năm 2002, Pháp lệnh điều tra hình sự năm 2004, Luật tổ chức VKSND năm 2014 có những sửa đổi, bổ sung quan trọng. Theo đó, tại điểm đ khoản 1 Điều 6 Luật tổ chức VKSND năm 2014 quy định về các công tác của VKSND đã xác định: Điều tra một số loại tội phạm là một trong các công tác thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của VKSND. Về thẩm quyền: Cơ quan điều tra VKSND tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp theo quy định của luật mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, VKSND, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp (Điều 20).

Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015; BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (gọi tắt là BLTTHS năm 2015); Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015) tiếp tục quy định rõ hơn về thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao. Cụ thể: Khoản 3 Điều 163 BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền điều tra như sau: "... 3. Cơ quan điều tra VKSND tối cao, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXIII và Chương XXIV của BLHS xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc

Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp". Điều 4 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự quy định hệ thống Cơ quan điều tra gồm: (1) Cơ quan điều tra của Công an nhân dân; (2) Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân; (3) Cơ quan điều tra của VKSND tối cao. Như vậy, Cơ quan điều tra VKSND tối cao là một trong hệ thống ba cơ quan điều tra chuyên trách.

Điều 30 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định rất cụ thể về nhiệm vụ, thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao:

"1. Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

2. Tiến hành điều tra tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXIII và Chương XXIV của BLHS xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân, VKSND, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân.

3. Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm,

kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra của VKSND tối cao.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của BLTTHS”.

Như vậy, so với Luật tổ chức VKSND năm 2002, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, BLTTHS năm 2003, thì thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao được tăng thêm, mở rộng hơn về loại tội, đối tượng điều tra, phạm vi và địa bàn điều tra: Từ chỗ chỉ điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp, quy định tại Chương XXII BLHS năm 1999 (điều tra 14 tội phạm trong tổng số 23 tội phạm thuộc Chương XXII) thì hiện nay, theo quy định của các đạo luật mới, Cơ quan điều tra VKSND tối cao có thẩm quyền điều tra: Các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp (gồm 24 tội quy định tại Chương XXIV BLHS năm 2015); các tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp (gồm 14 tội quy định tại Chương XXIII BLHS năm 2015).

Về đối tượng: Trước đây, Cơ quan điều tra VKSND tối cao chỉ có thẩm quyền điều tra đối với các đối tượng là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp (Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án) thì hiện nay theo quy định của các đạo luật mới, thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao đối với người bị buộc tội đã được tăng thêm, gồm các nhóm chủ thể thực hiện các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp.

Trước đây, phạm vi và địa bàn điều tra

thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao thường chỉ giới hạn ở cấp trung ương, cấp tỉnh, huyện thì nay đã được mở rộng tới cả địa bàn Công an xã, phường, thị trấn, đồn Công an và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thẩm quyền tham gia vào hoạt động tố tụng.

## **2. Thẩm quyền điều tra đối với loại tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp**

Theo BLHS năm 2015, các tội về tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp được quy định tại Chương XXIII, từ Điều 352 đến Điều 366, được chia làm hai Mục (Mục 1 quy định về các tội phạm tham nhũng, Mục 2 quy định về các tội phạm khác về chức vụ). Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được quy định tại Chương XXIV từ Điều 367 đến Điều 391. Có thể thấy rằng, các điều luật tại Chương XXIV BLHS năm 2015 không được chia thành các mục như một số chương khác. Tuy nhiên, các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được quy định tại Chương XXIV BLHS năm 2015 cũng được sắp xếp theo trật tự nhất định trên cơ sở đặc điểm chung liên quan đến chủ thể tội phạm. Theo đó, có thể chia 24 tội danh của chương này thành các nhóm tội sau:

- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do những người có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp (hay còn gọi là cán bộ, công chức thuộc cơ quan tư pháp) thực hiện.

- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do những người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp thực hiện.

- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà chủ thể thực hiện là người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo, người đang chấp hành án.

- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp khác: Đây là các tội phạm mà chủ thể thực hiện có thể là bất kỳ ai, là công dân, người có chức vụ, quyền hạn nhất định và đã sử dụng chức vụ, quyền hạn để cản trở các hoạt động tư pháp.

Trong các nhóm tội trên, Cơ quan điều tra VKSND tối cao có thẩm quyền điều tra đối với nhóm các tội xâm phạm hoạt động tư pháp do những người có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp (cán bộ, công chức thuộc cơ quan tư pháp) thực hiện và nhóm các tội do những người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp thực hiện. Đối với các tội xâm phạm hoạt động tư pháp có chủ thể thực hiện là bất kỳ ai thì Cơ quan điều tra VKSND tối cao có thẩm quyền điều tra trong từng trường hợp cụ thể.

Tuy nhiên, cần lưu ý, Cơ quan điều tra VKSND tối cao chỉ tiến hành điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp khi hành vi phạm tội của các chủ thể nói trên xảy ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc tiến hành tố tụng đối với các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, lao động,... ngay từ khi tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự; trong việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc thi hành án, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp;

các hoạt động tư pháp khác theo quy định của pháp luật. Nói cách khác, hành vi phạm tội của các chủ thể nói trên phải xuất phát từ hoạt động tư pháp trong quá trình thực thi công vụ của họ thì mới thuộc đối tượng mà Cơ quan điều tra VKSND tối cao có thẩm quyền tiến hành điều tra. Trong trường hợp các chủ thể nói trên thực hiện hành vi phạm tội xảy ra trong các lĩnh vực khác như công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, công tác tài chính nội bộ... hoặc hành vi phạm tội không liên quan đến việc thực thi công vụ của họ thì không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao.

Như vậy, mặc dù BLTTHS năm 2015 đã quy định Cơ quan điều tra VKSND tối cao được điều tra tất cả các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, các tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp nhưng không phải bất cứ tội phạm nào được quy định tại Chương XXIII, Chương XXIV BLHS năm 2015 cũng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao, mà chỉ các tội phạm thỏa mãn đầy đủ ba yếu tố sau đây: (1) Được quy định tại Chương XXIII, Chương XXIV BLHS năm 2015; (2) Người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp; người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quy định tại khoản 2 Điều 35 BLTTHS năm 2015; người của Công an xã, phường, thị trấn, Trạm Công an,

Đồn Công an khi thực hiện nhiệm vụ trong quá trình tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 146 BLTTHS năm 2015; (3) Hành vi phạm tội phải xuất phát từ hoạt động tư pháp trong quá trình thực thi công vụ của các chủ thể nói trên.

Theo đó, những tội phạm tuy được quy định tại Chương XXIII, Chương XXIV BLHS năm 2015 nhưng không do cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp thực hiện thì không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao.

### 3. Thẩm quyền điều tra đối với chủ thể phạm tội

Theo quy định tại khoản 2 Điều 110 BLTTHS năm 2003, khoản 2 Điều 3 Luật tổ chức VKSND năm 2002, Điều 18 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, Cơ quan điều tra VKSND tối cao chỉ có thẩm quyền tiến hành điều tra đối với chủ thể phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp (cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan Thi hành án).

Tuy nhiên, theo Điều 20 Luật tổ chức VKSND năm 2014, khoản 2 Điều 30 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 và khoản 3 Điều 163 BLTTHS năm 2015 thì: Cơ quan điều tra VKSND tối cao có thẩm quyền điều tra đối với chủ thể phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp, khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân.

Như vậy, so với quy định của pháp luật trước đây, thì chủ thể phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao được mở rộng hơn rất nhiều. Ngoài chủ thể phạm tội là cán bộ, công chức thuộc Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Thi hành án, thì Cơ quan điều tra VKSND tối cao còn có thẩm quyền tiến hành điều tra đối với chủ thể phạm tội là người có thẩm quyền tiến hành hoạt động tư pháp, cụ thể như sau:

- *Nhóm chủ thể có thẩm quyền tiến hành tố tụng:*

Người tiến hành tố tụng: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên (khoản 2 Điều 34 BLTTHS năm 2015; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra: Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Hải quan (điểm b khoản 2 Điều 35 BLTTHS năm 2015; khoản 2 Điều 9 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015); người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Kiểm lâm (điểm c khoản 2 Điều 35 BLTTHS năm 2015, khoản 3 Điều 9 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015); người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Kiểm ngư (điểm d khoản 2 Điều 35 BLTTHS năm 2015; khoản 5 Điều 9 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015);

người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của các cơ quan khác trong Công an nhân dân (điểm e khoản 2 Điều 35 BLTTHS năm 2015, khoản 6 Điều 9 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015); Cán bộ điều tra thuộc các cơ quan: Hải quan, Kiểm lâm, Kiểm ngư và các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (khoản 2 Điều 35 BLTTHS năm 2015).

- *Nhóm chủ thể người có thẩm quyền trong hoạt động thi hành án:*

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký thi hành án, thủ quỹ, thủ kho, kế toán thi hành án, cán bộ, công chức khác thuộc cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, cấp huyện khi được giao nhiệm vụ tham gia hoạt động thi hành án dân sự (các điều 14, 16, 17, 22 Luật thi hành án dân sự năm 2015).

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, cán bộ, chiến sĩ thuộc cơ quan Thi hành án hình sự Công an các cấp; Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ và công nhân của các trại giam trong Công an nhân dân thực hiện công tác thi hành án hình sự (khoản 2 Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 16 và khoản 4 Điều 17 Luật thi hành án hình sự năm 2019).

+ Trưởng nhà tạm giữ, Phó Trưởng nhà tạm giữ, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ và công nhân, viên chức làm nhiệm vụ quản giáo của nhà tạm giữ... trong Công an nhân dân; Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng,

Phó Đội trưởng, Trưởng cơ sở y tế, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức của Trại tạm giam trong Công an nhân dân thực hiện công tác thi hành việc tạm giữ, tạm giam, tiếp nhận, quản lý giam giữ, giáo dục cải tạo phạm nhân và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự (Điều 13, Điều 14 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015);

+ Người có thẩm quyền (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, cán bộ) của Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân và án treo (Điều 11 Luật thi hành án hình sự năm 2019) mà có hành vi phạm tội quy định tại Điều 373 BLHS năm 2015 - Tội dùng nhục hình.

- *Nhóm chủ thể thực hiện hoạt động hỗ trợ tư pháp:*

+ Người giám định, người định giá tài sản, người dịch thuật, người phiên dịch khi tham gia hoạt động tố tụng, thi hành án có một trong các hành vi quy định tại Chương XXIII (các tội phạm về chức vụ) BLHS năm 2015 hoặc có một trong các hành vi quy định tại Điều 375 BLHS năm 2015 (Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc); Điều 382 BLHS năm 2015 (Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối); Điều 383 BLHS năm 2015 (Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; người bào chữa trong quá trình đọc, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa, bảo vệ quyền lợi của đương sự có hành vi quy định tại Điều 375 BLHS năm 2015 (Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc). Người bào chữa trong quá trình thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa có hành vi quy định tại Điều 382 BLHS năm 2015 (Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối).

Hành vi phạm tội của các nhóm chủ thể này được xác định thông qua các tội danh cụ thể về các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp quy định tại Chương XXIV hoặc tội phạm về tham nhũng, chức vụ tại Chương XXIII BLHS năm 2015 xảy ra trong hoạt động tố tụng và thi hành án khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân.

Ngoài các nhóm chủ thể nêu trên, Điều 44 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 146 BLTTHS năm 2015 còn quy định trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an trong việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ...

Tuy nhiên, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 cũng như BLTTHS năm 2015 không quy định Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, nhưng lại quy định trách nhiệm về việc tiếp nhận, giải quyết ban đầu đối với tin báo, tố giác tội phạm và giai đoạn này được BLTTHS năm 2015 quy định và điều chỉnh.

Mặt khác, qua thực tiễn cho thấy Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an có vai trò rất quan trọng trong công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và có thể ảnh hưởng đến quá trình điều tra tiếp theo nếu việc tiếp nhận, giải quyết ban đầu của lực lượng này không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật. Chính vì vậy, Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an là chủ thể phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao khi họ thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết ban đầu tin báo, tố giác về tội phạm theo quy định tại Điều 44 Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015, khoản 3 Điều 145 BLTTHS năm 2015.

Cùng với việc tăng thẩm quyền điều tra, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định Cơ quan điều tra VKSND tối cao có nhiệm vụ: (1) Tổ chức công tác trực ban hình sự, tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, phân loại và giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thuộc thẩm quyền giải quyết của mình hoặc chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết; (2) Kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp khắc phục nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; (3) Tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và công tác điều tra, xử lý tội phạm thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra của VKSND tối cao; (4) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của BLTTHS, như nhiệm vụ của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân và Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân. □